



ASEAN VÀ CHỦ NGHĨA ĐA PHƯƠNG KHU VỰC MỚI: CON ĐƯỜNG DÀI VÀ GẬP GHỀNH TỚI CỘNG ĐỒNG

Nguồn: Sheldon W. Simon (2008). "ASEAN and the New Regional Multilateralism: The Long and Bumpy Road to Community", in David Shambaugh & Michael Yahuda (eds), *International Relations of Asia* (Maryland: Rowman & Littlefield Publishers), pp. 195-214.

Biên dịch: Đinh Nguyễn Lan Hương | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Từ quan điểm địa chính trị, vùng duyên hải châu Á chia làm ba tiểu vùng: *Đông Bắc Á* (Trung Quốc, Nhật Bản, hai nước Triều Tiên, Đài Loan, viễn đông nước Nga), *Đông Nam Á* (Thái Lan, Miến Điện, Campuchia, Lào, Việt Nam, Philippines, Malaysia, Indonesia, Singapore, Brunei), và *Nam Á* (Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka). Cả Đông Bắc Á và Đông Nam Á đều có những cường quốc kinh tế và chính trị lớn mạnh. Ở khu vực sau cùng, các hoạt động kinh tế và sức ảnh hưởng về an ninh-chính trị ngày càng gia tăng của Ấn Độ đã mở rộng tới toàn bộ châu Á. Trong khu vực đầu tiên, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và Đài Loan đóng vai trò kinh tế toàn cầu quan trọng, trong đó Tokyo và Bắc Kinh là những chủ thể an ninh-chính trị chính. Ngược lại, Đông Nam Á không có cường quốc lớn mạnh nào đạt tầm vóc toàn cầu. Khu vực này bao gồm một số quốc gia với các nền kinh tế sôi động – Singapore, Malaysia, Thái Lan – hay tiềm năng kinh tế - Việt Nam và Indonesia. Xét về tầm vóc địa chính trị, Đông Nam Á có phần lu mờ so với láng giềng Đông Bắc Á và Nam Á. Thế nhưng, Đông Nam Á lại là nơi ra đời của hầu hết các tổ chức khu vực châu Á mà các cấu trúc, thủ tục của chúng đều được quyết định bởi mong muốn của các quốc gia Đông Nam Á. Mục tiêu chính của chương này là nhằm lý giải điều này đã xảy ra như thế nào, và những hàm ý dành cho tương lai của châu Á là gì, và liệu các nước Đông Nam Á được gắn kết với nhau trong 40 năm qua thông

qua Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) sẽ có thể duy trì vị thế then chốt của mình trong các vấn đề châu Á hay không. Trong nhiều thập kỷ qua, khu vực châu Á – Thái Bình Dương được đánh dấu bởi một sự bất cân xứng đầy khó khăn: những cuộc tranh chấp với nguy cơ đe dọa phá hủy lớn nhất nằm ở Đông Bắc Á và Nam Á; tuy nhiên, các tổ chức đa phương của khu vực được thiết kế để giải quyết và giảm bớt mâu thuẫn lại nảy sinh ở Đông Nam Á.

Trong khi ASEAN duy trì sự toàn vẹn về tổ chức, nó cũng đã thiết lập thêm nhiều tổ chức nội bộ và có sự tham gia của các nước bên ngoài. Khía cạnh đầu tiên bao gồm Khu vực tự do thương mại ASEAN (AFTA) mới hình thành, Tổ chức liên nghị viện ASEAN, tổ chức đặc biệt có tiếng nói trong việc lên án vi phạm nhân quyền ở Miến Điện, và Hội nghị Nhân dân ASEAN thuộc Kênh 3, một tổ chức phi chính phủ tập hợp các nhóm lợi ích xã hội khác nhau để cùng vận động hành lang các chính phủ ASEAN. Các tổ chức mà ASEAN giành quyền chủ đạo bao gồm Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) về các vấn đề an ninh, ASEAN + 3 (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc), các cuộc đối thoại ASEAN+1 khác nhau với các nước quan trọng, Hội nghị Á – Âu (ASEM), và gần đây nhất là các cuộc đối thoại thường xuyên với Hội đồng hợp tác vùng Vịnh Ba Tư, châu Phi và Mỹ Latinh. Việc thành lập gần đây nhất và gây tranh cãi nhất là Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS) khai mạc vào tháng 12/2005. EAS kéo các nước ASEAN+3 lại với nhau cùng với Ấn Độ, Australia và New Zealand – tất cả những nước này đã ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (TAC) như là một điều kiện để trở thành thành viên EAS.

Định hình khái niệm ASEAN

Khu vực châu Á – Thái Bình Dương không có bá quyền. Thay vào đó, các mạng lưới chính trị, kinh tế và xã hội ngày càng tăng. Các vấn đề khu vực được giải quyết thông qua hành động chung. Các khuôn khổ khác nhau đã giảm bớt sức mạnh của quy tắc chủ quyền tuyệt đối đã từng thống trị ASEAN vào thời điểm thành lập năm 1967. Trong suốt những thập kỷ tiếp theo, các vấn đề an ninh xuyên quốc gia ngày càng tăng. Rửa tiền, buôn người, suy thoái môi trường, phát triển các dòng sông đa quốc gia, các hình thức vượt biên bằng đường biển, khủng bố và nạn cướp biển đòi hỏi việc xây dựng cơ chế đa phương hơn là chính sách ngoại giao tạm thời (ad hoc). Ít nhất, trên lý thuyết, các tổ chức như ASEAN đã đưa ra các thủ tục và quy tắc ra quyết định để trong đó tất cả các chính phủ tham gia đều có tiếng nói.¹

Để khái niệm hóa ASEAN, các nhà lý luận quan hệ quốc tế thường sử dụng ba khung phân tích: *chủ nghĩa tân hiện thực*, *chủ nghĩa tân tự do* và *chủ nghĩa Kiến tạo*.² Những nhà chủ nghĩa tân hiện thực coi thường vai trò của ASEAN trong an

ninh khu vực bởi vì các tổ chức chỉ có vai trò phụ. Sự ổn định phụ thuộc vào việc phân bổ quyền lực trong châu Á – Thái Bình Dương chứ không phải vào một tổ chức quốc tế của các nước trung bình và nhỏ chỉ giới hạn trong Đông Nam Á. Điểm thực sự của quyền lực châu Á- Thái Bình Dương phụ thuộc vào mối quan hệ giữa các chủ thể chính: Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản. Những nhà chủ nghĩa tân tự do lại bác bỏ quan điểm của tân hiện thực về ASEAN và chỉ ra rằng Hiệp hội này can dự không phải thông qua việc cân bằng (balancing) hay phù thịnh (bandwagoning) với các cường quốc lớn mà thông qua can dự họ vào các thể chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và các tổ chức con của nó (như ARF và ASEAN+3).³ Thông qua việc thúc đẩy hợp tác chính trị và kinh tế với cả ba cường quốc, ASEAN và các tổ chức con của nó đã thúc đẩy những gì mà chủ nghĩa tân tự do gọi là “lợi phần tuyệt đối” (absolute gains), nghĩa là hợp tác mang lại lợi ích lẫn nhau cho tất cả các bên. Việc phân bổ những lợi ích đó – “lợi phần tương đối” (relative gains), vốn là mối quan tâm chính của các nhà tân hiện thực – ít quan trọng đối với trường phái tân tự do bằng sự thật rằng lợi ích chung tăng lên cho tất cả từ việc thuế quan thấp hơn đến lực lượng tuần tra an ninh trên biển. Tuy nhiên, trường phái Tân tự do đã bị thụt lùi từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997-1998. Cả ASEAN, ARF và diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) đều không thể giải quyết khó khăn tài chính ở Indonesia, Thái Lan và Malaysia. Về vấn đề an ninh, ASEAN cũng không dàn xếp được cuộc khủng hoảng ở Đông Timo năm 1999. Lợi ích quốc gia chiếm vị thế áp đảo trong cả hai thách thức này đối với chủ nghĩa Tân tự do. Trường phái quan hệ quốc tế thứ ba, *Chủ nghĩa kiến tạo*, nhấn mạnh những ý tưởng, quy chuẩn và bản sắc, tranh luận rằng chất lượng của sự tương tác giữa các quốc gia căn cứ trên việc các quy tắc có được chia sẻ hay không và chúng thay đổi như thế nào theo thời gian. Vì thế, những nhà Chủ nghĩa kiến tạo tranh luận rằng ASEAN đang nổi lên như là một cộng đồng an ninh non trẻ bởi cụm từ “chúng tôi cảm thấy” trở nên phổ biến giữa các thành viên. Tuy nhiên, những nhà phê bình Chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh rằng các quy chuẩn và các biến số văn hóa của ASEAN quá khó để xác định và đưa vào thực hiện. Hơn nữa, việc liên kết các quy chuẩn không rõ ràng với các kết quả chính sách thực tế ở ASEAN vẫn phải dựa trên sự thương lượng giữa các nước thành viên với những lợi ích khác nhau. Những nhà duy lý cho rằng trường phái Hiện thực và Tân tự do đưa ra bằng chứng thuyết phục hơn về các kết quả của ASEAN so với Chủ nghĩa kiến tạo.⁴

Hướng tiếp cận về mặt lý thuyết hữu ích nhất với hệ thống ASEAN có thể là khái niệm *đan lồng* (enmeshment) của Evelyn Goh. Đây là quá trình các quốc gia được cuốn hút vào cùng một hệ thống để đạt được lợi ích (chủ nghĩa Tân hiện thực và Tân tự do). Tuy nhiên, qua quá trình tương tác lẫn nhau trong cùng hệ thống,

những quy chuẩn của các quốc gia cũng có thể bị thay đổi.⁵ Vì vậy, bắt đầu từ những năm 1990, ASEAN, dẫn đầu bởi Singapore và Thái Lan, đã thúc đẩy một cấu trúc an ninh khu vực – ARF – đan lồng càng nhiều cường quốc càng tốt. Tuy nhiên, dính líu không nhất thiết phải có sự hòa hợp. Từ quan điểm của Mỹ và Trung Quốc, có thể có sự căng thẳng giữa ARF, một cơ chế đối thoại an ninh trong đó cả hai đều là thành viên, và ASEAN+3, có Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC) nhưng không có Mỹ. Washington muốn ARF là nơi tổ chức đối thoại an ninh khu vực trong khi đó Bắc Kinh lại muốn đưa thêm các cuộc thảo luận về an ninh vào ASEAN+3, vốn ban đầu chỉ là một nhóm đối thoại kinh tế, trong đó không có sự tham gia của Mỹ.

Cả ASEAN lẫn các tổ chức con của nó đều không sở hữu các cơ chế tập trung quan trọng để thực thi những thỏa thuận đạt được bởi các thành viên, giám sát các sự kiện trong nước ở các quốc gia thành viên, hay dự báo trước các vấn đề đang nổi lên. “Phương thức ASEAN” (ASEAN Way) của hiệp hội bản chất là sự thuyết phục về đạo đức – niềm tin (hay hi vọng) rằng các quốc gia thành viên sẽ làm điều đúng đắn để không gây khó khăn cho tập thể.⁶ Rõ ràng rằng hi vọng đã không thành hiện thực trong trường hợp của Miến Điện hay Campuchia. Nền chính trị trong nước của họ không chỉ gây khó khăn mà còn tạo ra nhiều vấn đề cho ASEAN phải giải quyết với châu Âu và Mỹ. Mặt khác, có một ví dụ ấn tượng về khả năng của ASEAN trong việc ràng buộc các nước bên ngoài vào quy chuẩn của ASEAN – một điểm ủng hộ cho quan điểm của những người theo Chủ nghĩa kiến tạo. Trung Quốc, Ấn Độ, Australia, New Zealand, và Nhật Bản giữa năm 2003 và 2005 đã ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác (TAC) ràng buộc các nước ký vào một cam kết giải quyết các tranh chấp khu vực một cách hòa bình.

Tuy nhiên, việc giải quyết hòa bình tranh chấp giữa các nước không trực tiếp chuyển thành hợp tác an ninh đa phương. An ninh khu vực, nếu thực sự không thể phân chia, đòi hỏi sự tham gia xuyên quốc gia vào các vấn đề nội bộ trong nước dù vấn đề là nạn khủng bố gây ra bởi Jemaah Islamiyah (JI), khói mù khu vực bắt nguồn từ đảo Borneo của Indonesia, hay buôn bán vũ khí từ Đông Nam Á lục địa đến Đông Nam Á hải đảo. Việc ngăn chặn những thách thức này đối với an ninh khu vực đòi hỏi sự giảm bớt nguyên tắc không can thiệp vào các vấn đề nội bộ của nhau. Vì vậy, để hiểu được ASEAN đòi hỏi kết hợp cả ba khuôn khổ lý thuyết chính, phụ thuộc vào vấn đề đang được xem xét là gì.

Sự tiến hóa của ASEAN

Lý do tồn tại ban đầu của ASEAN gồm sáu thành viên đầu tiên (Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Singapore, Philippines, Brunei) là để bảo vệ chủ quyền mỗi

nước. Được thành lập năm 1967 vào thời điểm cao trào của Chiến tranh Lạnh và trong thời kỳ can thiệp quân sự của Mỹ ở Đông Dương, các nước phi cộng sản Đông Nam Á cùng hợp lại để giữ chân Bắc Việt Nam, Trung Quốc và Liên Xô ở khoảng cách an toàn từ xa, trong khi vẫn cho phép các đồng minh của Mỹ và Anh (gồm Thái Lan, Phillipines, Malaysia, Singapore) duy trì mối quan hệ an ninh với các cường quốc bên ngoài. Các mối quan hệ bên trong ASEAN còn có mục đích khác. Indonesia dưới thời Sukarno (1945-1967) là một nguồn gốc quan trọng của bất ổn khu vực, chống đối Malaysia và Singapore cũng như sự hiện diện của Mỹ ở Phillipines, đồng thời ve vãn Trung Quốc, Bắc Việt Nam, và Liên Xô. Sau khi Sukarno bị phế truất trong quá trình diễn ra một cuộc đảo chính bất thành của lực lượng cộng sản Indonesia, một năm sau đó, những thành viên sáng lập ASEAN đã nhận thấy một cơ hội để hội nhập một Indonesia mới được dẫn đầu bởi quân đội vào một dự án chính trị Đông Nam Á lớn hơn, mang đến cho Jakarta cơ hội lãnh đạo khu vực và khiến Indonesia cam kết quan hệ hòa bình với các nước láng giềng. Từ dự kiến ban đầu đó, ASEAN đã phát triển và được cho là trở thành một tổ chức liên chính phủ được biết đến nhiều nhất ở châu Á.

Như Michael Leifer quan sát,

Hiệp hội đã phát triển sau nhiều năm thành một cộng đồng ngoại giao hiệu quả và hiện nay đã có vị thế trên trường quốc tế, đang trong quá trình trở thành một nhân tố quan trọng trong tính toán của các quốc gia trong khu vực lẫn ngoài khu vực. Do đó, mặc dù có những khác biệt trong nội bộ, hiệp hội vẫn có thể đảm nhận vai trò đặc quyền trong quá trình đàm phán liên tiếp về việc thiết lập các luật chơi.⁷

Các quy chuẩn được ASEAN đưa ra trong 1/3 cuối của thế kỷ 20 ngoài vấn đề bảo vệ chủ quyền còn bao gồm việc giải quyết hòa bình các tranh chấp thông qua hiệp ước TAC 1976, tránh thành lập các hiệp ước quân sự với nhau, và tham vấn thường xuyên để đưa ra một giải pháp chung cho các vấn đề khu vực (nếu khả thi).

Đối với các thành viên sáng lập ASEAN, việc không can thiệp vào vấn đề nội bộ của nhau là phép thử cho hiệp hội; cho đến giữa những năm 1990, quy tắc đó được định hướng ra các nước bên ngoài nhằm chống lại sự can thiệp của các cường quốc. Tuy nhiên, với sự mở rộng của ASEAN để kết nạp các nước Đông Dương và Miến Điện, khiếm khuyết của quy tắc này trở nên rõ ràng khi các vụ vi phạm nhân quyền xảy ra ở các nước thành viên mới nhất đã bị che đậy. Đặc biệt là đối với Miến Điện, Lào và Campuchia, những nỗ lực xã hội hóa (hay hội nhập) của ASEAN không có mấy tác dụng. Tuy nhiên, đối với các nước Đông Dương và Miến Điện, việc gia nhập ASEAN kéo theo những chi phí chính trị mà họ không dự đoán trước

được. Các chính phủ của họ coi hiệp hội như là một cơ chế duy trì hiện trạng.⁸ Việc được chấp nhận vào ASEAN chưa bao giờ căn cứ trên các điều kiện chính trị trong nước. Tuy nhiên, nền chính trị trong nước gò bó ở Đông Dương và Miến Điện được các thành viên khác của ASEAN cho là sẽ làm suy giảm vị thế quốc tế của hiệp hội, đặc biệt là trong quan hệ với Mỹ và châu Âu. Mặc dù vậy, Hiệp ước TAC của ASEAN vẫn đưa ra cho Lào và Campuchia một cam kết rằng Việt Nam sẽ không xâm phạm lãnh thổ hai nước này và các tranh chấp sẽ không leo thang dẫn tới đối đầu về quân sự.

Đối với Việt Nam, việc gia nhập ASEAN là một sự hòa giải về ngoại giao với hiệp hội vốn từng được Hà Nội coi là một công cụ của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ trong suốt Chiến tranh Lạnh. Các thành viên ban đầu của ASEAN bản khoăn Việt Nam sẽ làm quen như thế nào với các quy trình phi chính thức, ngoại giao im lặng, tự kiểm chế, xây dựng lòng tin và tránh xung đột của ASEAN. Nói gì thì nói, Hà Nội đã vào Hiệp hội sau một thời kỳ đối đầu lâu dài cùng các đòi hỏi không khoan nhượng. Thực tế, Việt Nam đã chứng minh được sự thích nghi và hào hứng làm việc trong khuôn khổ luật chơi của ASEAN.⁹ Mặc dù Việt Nam có những tranh chấp lãnh thổ với các thành viên ASEAN, ví dụ như quần đảo Trường Sa với Philippines và Malaysia, họ đã không tác động tiêu cực tới mối quan hệ thân mật nói chung của hiệp hội vì ASEAN chưa bao giờ là một cơ chế để giải quyết các yêu sách lãnh thổ xung đột giữa các thành viên. Hơn nữa, Hiệp hội luôn kiểm chế những xung đột như thế này. Một lần nữa, tranh chấp Trường Sa là một ví dụ điển hình. Philippines và Việt Nam đã tích cực tham gia đàm phán một tuyên bố được ASEAN thông qua năm 2002 về các nguyên tắc trên quần đảo Trường Sa, cam kết các bên yêu sách từ bỏ sử dụng vũ lực cũng như chiếm đóng thêm bất kỳ điểm nào trên quần đảo Trường Sa.

Chủ nghĩa khủng bố thách thức quy tắc không can thiệp lẫn nhau

Trong khi cuộc khủng hoảng tài chính 1997 – 1998 cho thấy sự bất lực của ASEAN trong việc củng cố hệ thống tiền tệ của từng nước thành viên và các cuộc tranh chấp song phương giữa hầu hết các nước ASEAN chưa bao giờ được gửi tới Hội đồng cấp cao ASEAN để giải quyết, thì chủ nghĩa khủng bố là một thách thức chung tác động đến quy tắc không can thiệp lẫn nhau của ASEAN. Bởi vì các nhóm khủng bố Hồi giáo cực đoan Đông Nam Á thường xuyên di chuyển qua biên giới, đặc biệt là giữa Indonesia, Malaysia và Philippines, giữa miền Nam Thái Lan và miền Bắc Malaysia và thậm chí có lẽ cả giữa Campuchia và Nam Thái Lan, đã đến lúc an ninh quốc gia đòi hỏi sự hợp tác quốc tế. Trước ngày 11/9, ASEAN không đề cập đến

chủ nghĩa khủng bố trong các thông cáo chung hay tuyên bố của chủ tịch. Trong chừng mực khủng bố được coi là một vấn đề an ninh khu vực, nó thường được gán với phong trào ly khai ở Philippines và Indonesia, và vì thế được xem như là vấn đề nội bộ, không đòi hỏi nhiều hợp tác giữa các quốc gia, mà chỉ là một hình thức của tội phạm xuyên quốc gia mà thôi.¹⁰

Sau ngày 11/9, đáp lại yêu cầu của Mỹ, ASEAN bắt đầu giải quyết chủ nghĩa khủng bố như là một mối quan tâm khu vực. Tuy nhiên, các nước thành viên đã phải đối mặt với một loạt các vướng mắc bao gồm các hệ thống pháp lý không phù hợp cũng như cơ chế thi hành luật pháp và các thực tiễn an ninh khác nhau. Để đối phó với chủ nghĩa khủng bố như là một vấn đề khu vực đòi hỏi các nước ASEAN phải tiêu chuẩn hóa các cơ chế chính trị và pháp lý. Tuyên bố vào đầu tháng 11/2001 của ASEAN về Hành động chung chống khủng bố không khác gì một tuyên bố chung chung là sẽ hỗ trợ Mỹ lúc cần.

Triển vọng về sự tham gia trực tiếp của Mỹ vào công cuộc chống khủng bố của ASEAN đã gây ra nhiều vấn đề mới cho Hiệp hội. Mặc dù viện trợ Mỹ được chào đón, đặc biệt là về huấn luyện thực thi pháp luật và tình báo, triển vọng về việc tham gia trực tiếp của Mỹ vào vấn đề chống khủng bố trong nước và khu vực có vẻ như kéo các nước Đông Nam Á vào một cuộc chiến tranh được người dân cảm nhận là nhằm chống lại Hồi giáo. Vì vậy, Malaysia đã chỉ trích Philippines trong việc triển khai tập trận chung nhằm xóa bỏ nhóm Abu Sayyaf được cho là có sự ủng hộ của Al Qaeda.¹¹ Tuy nhiên, vào tháng 5 năm 2002, Philippines, Indonesia, Malaysia, sau đó là Campuchia và Thái Lan, đã ký một thỏa thuận chia sẻ danh sách khách hàng hàng không, danh sách đen các tội phạm khét tiếng và dữ liệu dấu vân tay đã được vi tính hóa, cũng như đẩy mạnh kiểm soát biên giới.

Nguyên nhân thúc đẩy chính cho sự hợp tác chống khủng bố xuất phát từ hậu quả của vụ đánh bom Bali tháng 10 năm 2002 gây ra bởi tổ chức Jemaah Islamiyah, một tổ chức có liên hệ trực tiếp với Al Qaeda. Indonesia đã thành lập một cơ quan chống khủng bố trung ương có khả năng giam giữ những kẻ tình nghi mà không cần xét xử. Sau đó, Jakarta cũng đã nhờ đến sự trợ giúp của Mỹ và Australia nhằm hiện đại hóa lực lượng cảnh sát quốc gia được tách ra từ quân đội trong thời hậu Suharto. Ngay cả Malaysia, vốn hay chỉ trích công khai sự can dự của phương Tây vào các vấn đề nội bộ trong nước, cũng đã đồng ý sẽ là địa điểm đặt Trung tâm chống khủng bố Đông Nam Á, được tài trợ âm thầm bởi Mỹ. Tuy nhiên, sau sự kiện 11/9 và vụ đánh bom ở Bali, mặc dù ASEAN đã ký các hiệp ước chống khủng bố và ngăn chặn tội phạm, nhưng những hiệp ước này không bao gồm các điều khoản dẫn độ, và mặc dù có các hiệp ước này, vốn đến năm 2007

vẫn chưa được phê chuẩn, luật pháp trong nước vẫn được ưu tiên. Sự khác nhau trong nội khối ASEAN về nhận thức đối với mối đe dọa của chủ nghĩa khủng bố và ý thức không đồng đều về bản sắc chung đã gây cản trở sự hợp tác chống khủng bố. Bảo vệ chủ quyền quốc gia tiếp tục là quy tắc chủ đạo của ASEAN.

Tuy nhiên, các vụ đánh bom khủng bố tiếp diễn ở miền Nam Philippines cũng như bạo động ở Indonesia và miền Nam Thái Lan đã đưa ASEAN đến gần hơn với việc đưa ra một thỏa thuận chống khủng bố khu vực. Tại hội nghị thượng đỉnh tháng 1 năm 2007 ở Cebu, Philippines, một Hiệp ước về chống khủng bố của ASEAN đã được đưa ra thảo luận. Mở rộng từ các thỏa thuận trước đó, Hiệp ước mới cho phép hợp tác theo dõi sự di chuyển của các khoản tiền và những kẻ bị tình nghi trong toàn khu vực và lần đầu tiên thúc đẩy các thành viên đồng ý dẫn độ. Hiệp ước kêu gọi mỗi nước thành viên xây dựng luật pháp nhằm đảm bảo có sự chia sẻ thông tin tình báo và xây dựng dữ liệu khủng bố tương thích với máy tính. Hiệp ước định nghĩa chủ nghĩa khủng bố phù hợp với các hiệp ước và nghị định thư của Liên Hiệp Quốc. Tuy nhiên, đặc điểm độc đáo nhất của văn bản này là nó đã dựa trên các thực tiễn tốt nhất liên quan đến việc cải tạo và tái hòa nhập xã hội những kẻ khủng bố đã bị bắt giữ dựa trên kinh nghiệm của Singapore, Indonesia và Malaysia.

Dù Hiệp ước chắc chắn là một bước tiến tới sự hợp tác cao hơn về chống khủng bố, nhưng có rất ít lý do để tin rằng những thay đổi quan trọng trong hành vi ứng xử của ASEAN sắp xảy ra. Hiệp hội không có một lịch sử rõ ràng cho thấy họ sẽ tuân thủ những trách nhiệm này một cách nghiêm túc. Ví dụ như năm 1993, ASEAN đã đồng ý thiết lập một cơ chế nhân quyền. Không có gì xảy ra cho đến năm 2007 khi Hiến chương mới của ASEAN lúc đó đang còn được tranh cãi quy định thiết lập một ủy ban nhân quyền. Liệu nó có được thành lập trong thực tế hay không và quyền hạn của nó sẽ như thế nào vẫn còn chưa rõ ràng. Trong 16 hiệp ước và nghị định thư chống khủng bố, chỉ có Philippines và Singapore phê chuẩn nhiều nhất, trong khi đó Thái Lan chỉ thông qua năm trong số đó.¹² Những người ủng hộ nhân quyền ở một số nước ASEAN nhìn nhận Hiệp ước mới với sự nghi ngờ, sợ rằng nó có thể trở thành một sự biện minh xa hơn cho các hành vi vi phạm tự do dân sự ở những nước đang trong tình trạng rối loạn.¹³

Miền Điện và quy tắc không can thiệp lẫn nhau

Quy tắc không can thiệp lẫn nhau của ASEAN dựa trên niềm tin rằng vấn đề nội bộ của mỗi thành viên không phải là mối quan tâm của các thành viên khác. Vì vậy, kiểu chế độ, cấu trúc kinh tế và các thành phần giai cấp xã hội và sắc tộc không

phải là đối tượng trong các cuộc tranh luận của ASEAN. Tuy nhiên, khi những khó khăn trong nước của một thành viên gây ảnh hưởng tới một nước láng giềng thì quy tắc không can thiệp lẫn nhau lại bị thách thức. Ví dụ rõ ràng nhất của thách thức này là Miến Điện từ khi gia nhập Hiệp hội năm 1997. Miến Điện đã đặt ra ba vấn đề nghiêm trọng cho ASEAN: (1) việc hàng nghìn người dân tộc thiểu số Karen tháo chạy vào Tây Bắc Thái Lan để chạy trốn chính quyền quân sự Miến Điện; (2) vận chuyển ma túy trái phép từ các nhà máy ma túy tổng hợp Miến Điện nơi mà hơn một triệu viên thuốc được buôn lậu hàng năm sang Thái Lan – một vấn đề được chính phủ Thái Lan coi là một trong những mối đe dọa an ninh lớn nhất của nước này; và (3) việc đàn áp tàn bạo đảng đối lập chính của Miến Điện, Liên minh Quốc gia vì Dân chủ, dẫn đầu bởi người đoạt giải Nobel Aung San Suu Kyi, bị quản thúc tại gia 11 năm.

Để đối phó với hành vi “phi-ASEAN” của chính quyền Miến Điện, Thái Lan đã hành động đầu tiên, trước tiên đề xuất vào năm 1998 rằng ASEAN phải điều chỉnh lại nguyên tắc không can thiệp lẫn nhau bằng cách xem xét việc “can dự linh động” vào những thành viên hiệp hội nào gây rắc rối cho láng giềng. Đề xuất này chỉ được Philippines ủng hộ và không quá ngạc nhiên khi bị phản đối mạnh mẽ bởi Miến Điện. Một biện pháp thay thế kém thuyết phục hơn gọi là “tương tác nâng cao” được đề xuất sau đó, khuyến khích các nước ASEAN thảo luận những mối quan tâm của họ nhưng không cho phép can thiệp trực tiếp vào các vấn đề nội bộ của thành viên. Vấn đề dừng lại ở đó cho đến năm 2003 khi Thái Lan đề xuất một “lộ trình” về hòa giải và dân chủ ở Miến Điện. Mục đích của lộ trình là để giải thoát Aung San Suu Kyi khỏi sự quản thúc – nhưng không có kết quả.

Việc lên án Miến Điện thú vị nhất xuất phát từ nước bảo trợ địa vị thành viên ASEAN chính của Miến Điện, đó là Malaysia. Thủ tướng Mahathir là người ủng hộ nhiệt tình chính quyền quân sự của Miến Điện trong hiệp hội. Sau đó, ông ta đã cảm thấy cá nhân bị phản bội bởi sự kháng cự không khoan nhượng của chế độ quân sự này đối với đề nghị dân chủ hóa của ASEAN. Cùng với Philippines, Kuala Lumpur đã gây áp lực lên Miến Điện buộc nước này phải từ bỏ vị trí chủ tịch ASEAN theo dự định vào năm 2006, nhấn mạnh rằng một số sự kiện trong nội bộ quốc gia này không thể được mô tả một cách nghiêm túc là “các vấn đề nội bộ”.¹⁴ Tại Hội nghị thượng đỉnh tháng 12 năm 2005 tại Malaysia, ASEAN đã công khai kêu gọi chính quyền quân sự thả các tù nhân chính trị và tiến hành cải cách dân chủ. Hiệp hội cũng đồng ý cử một phái đoàn điều tra về tình hình này.

Tuy nhiên, khi chính quyền quân sự gia hạn thời gian quản thúc Suu Kyi thêm một năm nữa vào tháng 5 năm 2007, ASEAN đã tránh vấn đề này bằng việc

các Bộ trưởng cấp cao chỉ đơn giản nhắc lại tuyên bố Kuala Lumpur năm 2005.¹⁵ Miến Điện hoàn toàn trái ngược với các thành viên ASEAN – đặc biệt là Philippines, Indonesia và Thái Lan – những nước đã mở các kênh khác nhau cho sự can dự của các nước thành viên vào các vấn đề nội bộ của họ. Indonesia đã mời các viên chức quân sự từ Thái Lan và Philippines đến giám sát thỏa thuận hòa bình ở tỉnh Aceh. Malaysia đã làm trung gian cho các thỏa thuận hòa bình giữa chính phủ Philippines và Mặt trận Giải phóng Hồi giáo Moro ở Mindanao, và Thái Lan đang làm việc với Malaysia để giúp đối phó với sự nổi dậy của người Hồi giáo Malay ở miền Nam Thái Lan.¹⁶ Tất nhiên, những trường hợp sau khác rất nhiều so với Miến Điện. Manila, Bangkok, và Jakarta tất cả đều yêu cầu sự hỗ trợ từ các thành viên ASEAN, vì vậy có thể cho rằng quy tắc không can thiệp lẫn nhau đã không bị vi phạm.

Miến Điện tiếp tục trở thành kiểm nghiệm nghiêm trọng nhất về nhân quyền. Vào tháng 9 năm 2007, một cuộc đàn áp tàn bạo của chính quyền quân sự nhằm ngăn chặn các cuộc biểu tình hòa bình của các nhà sư và người dân phản đối việc tăng đột ngột 500% giá nhiên liệu khiến công luận thế giới phần nộ và thậm chí đưa tới một tuyên bố chưa từng có thể hiện “sự ghê tởm” (đối với sự đàn áp này) từ phía các quan chức ASEAN. Tuy nhiên, Hội nghị thượng đỉnh vào tháng 9 của Hiệp hội diễn ra tại Singapore đã không có hành động nào xa hơn, không lên án các nhà cầm quyền Miến Điện chứ chưa nói tới việc áp đặt bất kỳ lệnh trừng phạt nào. Thực tế, việc chế độ không bị trừng phạt chính thức bị ASEAN lờ đi mặc dù Hiến chương mới đã được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh cam kết các thành viên ASEAN, bao gồm cả Miến Điện, “đẩy mạnh dân chủ, nền pháp quyền,... và thúc đẩy nhân quyền và tự do cơ bản”.

ASEAN phai nhạt vai trò?

Trước khi xem xét các tổ chức Đông Á khác được sinh ra từ ASEAN (xem bên dưới), cần phải tìm hiểu về tương lai của Hiệp hội. Liệu nó có vượt ra khỏi khuôn khổ một nhóm tham vấn – dù là hữu ích đến mấy – và hướng tới một chế độ xây dựng luật lệ hay không? Những người theo chủ nghĩa hoài nghi nhấn mạnh rằng ASEAN không thể là một tác nhân thay đổi, cũng như không bao giờ có ý định trở thành một chế độ an ninh tập thể.¹⁷ Tuy nhiên, vào thập kỷ đầu tiên của thiên niên kỷ mới, Indonesia đã chấp nhận sự bàn bạc trong khu vực về Đông Timor và Papua, và các vấn đề khó khăn về chính trị của Miến Điện được tranh cãi thường xuyên trong các cuộc họp ASEAN. Vào tháng 7 năm 2005, tại cuộc họp các Ngoại trưởng ASEAN ở Viêng Chăn, một Chương trình hành động được đề xuất bao gồm Hiến chương ASEAN, cở sở cho một chế độ dựa trên luật lệ. Hiến chương này sẽ thúc

đẩy khả năng của ASEAN trong việc làm trung gian cho các xung đột nội bộ và trao quyền cho Tổng thư ký ASEAN làm trung gian hòa giải.¹⁸ ASEAN đang dự kiến thành lập Cộng đồng ASEAN đến năm 2020 trên ba lĩnh vực riêng biệt – hợp tác kinh tế, hợp tác an ninh và chính trị, và hợp tác văn hóa xã hội. Hiến chương được xây dựng bởi “nhóm các cá nhân nổi bật” (EPG). Hiến chương có nguồn gốc từ đề xuất của Indonesia năm 2003 về việc chuyển đổi ASEAN thành một thực thể Đông Á hiệu quả hơn.

Tại Hội nghị thượng đỉnh tháng 1 năm 2007 ở Cebu, Philippines, các nhà lãnh đạo ASEAN đã thông qua bản kế hoạch chi tiết cho Hiến chương ASEAN. Nó đại diện cho một sự thỏa hiệp giữa các nguyên tắc truyền thống và các hi vọng mới. Quy tắc không can thiệp lẫn nhau nền tảng vẫn còn đó, nhưng những con đường đi vòng xung quanh nó đã được mở ra. Hiến chương khiến các thành viên cam kết thực hiện dân chủ (lần đầu tiên), quản trị tốt và nhân quyền. Mặc dù văn bản EPG không bao gồm từ “chế tài” (sanctions) nếu không tuân thủ, nó vẫn cho phép Ban thư ký ASEAN quyền hành như là một cơ quan giám sát. Cuối cùng, Hiến chương thiết lập ba hội đồng bộ trưởng dưới quyền của Hội đồng ASEAN – về các vấn đề an ninh – chính trị, các vấn đề kinh tế, và các vấn đề văn hóa xã hội.¹⁹

Sau ba năm đàm phán giữa các chính phủ ASEAN và EPG, Hiến chương ASEAN cuối cùng cũng đã được ký tại Hội nghị thượng đỉnh diễn ra ngày 18-21 tháng 11 năm 2007. Một văn bản lịch sử đã đưa ra khuôn khổ pháp lý đầu tiên trong lịch sử 40 năm của Hiệp hội, những nguyện vọng ban đầu của nó đã bị giảm bớt trong các cuộc tranh cãi đi cùng với sự hình thành của nó. Những bản thảo ban đầu của Hiến chương quy định về vấn đề cơ chế bỏ phiếu và những hình phạt đối với việc không tuân thủ lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử ASEAN. Tuy nhiên, sự phản đối từ các thành viên chuyên chế đã loại bỏ đi những đổi mới này. Thay vào đó, không can thiệp lẫn nhau vẫn là nguyên tắc thủ tục chủ đạo. Mặc dù Hiến chương nhấn mạnh các trường hợp vi phạm nghiêm trọng có thể bị khiển trách, nhưng những quyết định này chỉ có thể được thực hiện bởi Hội nghị thượng đỉnh ASEAN mà tại đó thủ phạm bị cáo buộc tất nhiên có quyền phủ quyết. Văn bản cũng hứa hẹn về một cơ quan nhân quyền khu vực nhưng không quy định cụ thể phạm vi hiệu lực cũng như thủ tục của nó. Một lần nữa cả hai lại chờ các Hội nghị thượng đỉnh trong tương lai quyết định. Hiến chương cũng không cung cấp một thang linh hoạt cho ngân sách ASEAN. Thay vào đó, quy định đóng góp ngang bằng vẫn được duy trì, có nghĩa là nguồn ngân quỹ ít ỏi của Ban thư ký Hiệp hội phải dựa trên tiềm lực hạn chế của Lào, thành viên nghèo nhất của Hiệp hội. Mặc dù có những hành động nhằm duy trì quyền tự chủ của quốc gia như vậy, vẫn chưa xác định được liệu Hiến chương sẽ được phê chuẩn bởi tất cả các thành viên hay

không. Ví dụ, Philippines đã cảnh báo rằng Quốc hội sẽ không phê chuẩn trừ khi Miền Điện chuyển hướng tạo ra một nền dân chủ thực sự.²⁰

Các vấn đề an ninh có thể là khía cạnh mà vai trò tương lai của ASEAN hứa hẹn nhiều hơn. Hiệp ước chống khủng bố mới nhất của Hiệp hội được ký tắt tại Hội nghị thượng đỉnh tháng 1 năm 2007. Cũng như những tuyên bố trước đó có từ hồi tháng 11 năm 2001, Hiệp ước mới nhất kêu gọi các thành viên chia sẻ tin tức tình báo, đào tạo, ngăn chặn tài trợ khủng bố và tái hòa nhập những kẻ khủng bố đã bị kết án. Hiệp ước chống khủng bố năm 2007 được xem như là một phần không thể thiếu của Cộng đồng an ninh ASEAN dự kiến và có liên quan chặt chẽ tới cuộc họp Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN gần đây nhất. Dữ liệu của ASEAN về khủng bố và tội phạm hiện nay cũng được kết nối với Interpol.²¹

Mặc dù các tuyên bố này hứa hẹn sự hợp tác, lĩnh vực chắc chắn có sự hợp tác đó là an ninh hàng hải. Các chuyến tuần tra phối hợp của Indonesia, Malaysia và Singapore, được hỗ trợ bởi việc cung cấp thiết bị từ Nhật Bản và tình báo Mỹ, đã giúp giảm đáng kể nạn cướp biển ở eo Malacca và cho đến nay, không còn dấu hiệu của khủng bố trên biển. Thực tế, vì mối quan tâm đến khủng bố/nạn cướp biển đường như đã dịu đi, các cuộc thảo luận về eo biển hiện nay đang tập trung vào vấn đề an toàn hàng hải. Theo Cục hàng hải quốc tế, giao thông ở eo biển Malacca sẽ tăng từ 94.000 tàu vào năm 2004 lên 141.000 tàu năm 2020. Theo Điều 43 của Công ước Luật Biển của Liên Hiệp Quốc năm 1982, các quốc gia duyên hải có trách nhiệm duy trì sự hỗ trợ hàng hải và chống ô nhiễm môi trường. Trong những năm gần đây, các quốc gia duyên hải đã tổ chức nhiều cuộc họp Kênh I và Kênh II về an toàn hàng hải và tác động tiềm ẩn của các tai nạn và ô nhiễm lên cộng đồng duyên hải. Ước tính chi phí giải quyết các mối nguy hiểm do giao thông ở eo biển ngày càng gia tăng có thể lên tới 300 triệu USD trong thập kỷ tới.

Nhật Bản từ lâu đã đóng góp tài chính để duy trì eo biển, và trong những năm gần đây, Ấn Độ, Hàn Quốc và Mỹ cũng đã cam kết hỗ trợ. Trung Quốc cũng đề nghị giúp khôi phục các dịch vụ hỗ trợ hàng hải vốn đã bị phá hủy trong đợt sóng thần Ấn Độ Dương tháng 12 năm 2004. Tuy nhiên, tất cả đều là những đóng góp tự nguyện. Quỹ tài trợ Nippon của Nhật Bản đã đề nghị rằng tất cả các tàu bè trung chuyển qua eo biển đóng góp 1 cent Mỹ cho trọng tải mỗi tấn hàng. Việc này sẽ tạo ra 40 triệu USD mỗi năm cho việc đảm bảo an toàn hàng hải. Tuy nhiên, các quốc gia sử dụng và các công ty của họ không sẵn sàng hỗ trợ, mà tuyên bố rằng trách nhiệm chỉ thuộc về các quốc gia duyên hải. Trên thực tế, có nhiều bên có lợi ích liên quan, bao gồm các quốc gia duyên hải, các quốc gia sử dụng, các công ty

tàu biển và các đại lý bảo hiểm. An toàn ở eo biển sẽ là một vấn đề tuyệt vời cho ASEAN cũng như các tổ chức khu vực khác thực hiện, bao gồm cả ARF và APEC.²²

An ninh hàng hải ở Đông Nam Á cũng liên quan đến các đảo ở Biển Đông. Được tuyên bố chủ quyền hoàn toàn bởi Trung Quốc và Việt Nam, một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa cũng bị đóng chiếm bởi Philippines, Malaysia, Đài Loan và Brunei. Giàu tiềm năng về nhiên liệu hóa thạch dưới đáy biển cũng như các điểm khai thác khoáng sản và cá, các đảo Biển Đông nằm dọc các tuyến đường biển chính nối Ấn Độ Dương qua biển Đông lên đến biển Nhật Bản. ASEAN bắt đầu đóng vai trò trong các cuộc tranh chấp này vào năm 1995 khi Trung Quốc đồng ý thảo luận đa phương các tranh chấp này lần đầu tiên. Các cuộc nói chuyện này đưa đến một Tuyên bố về ứng xử của các bên ở biển Đông được ký bởi ASEAN và Trung Quốc vào tháng 11 năm 2002. Mặc dù không phải là một quy tắc ứng xử được ưu tiên bởi ASEAN, Tuyên bố này đã quy định đảm bảo tự do hàng hải và hàng không trên biển Đông và tuyên bố rằng các tranh chấp lãnh thổ sẽ được giải quyết một cách hòa bình. Các bên tham gia cũng đồng ý kiềm chế các hoạt động gây phức tạp thêm tranh chấp. Tuy nhiên, nhiều nước đã gia tăng dân số trên những hòn đảo họ chiếm đóng và tăng cường vũ trang.

Vào năm 2005, Philippines, Trung Quốc và Việt Nam, sau nhiều năm thách thức những nỗ lực thăm dò dầu khí của nhau, đã đồng ý khảo sát địa chấn chung để xác định phạm vi nguồn tài nguyên hydrocarbon ở các khu vực chồng lấn. Thỏa thuận này có thể là bước tiến đầu tiên cho một dàn xếp quản lý, giúp giải quyết nhu cầu đang tăng về tài nguyên dầu và khí gas. Tuy nhiên, mặc dù có dàn xếp này, Trung Quốc vẫn lên án kế hoạch của Việt Nam xây dựng đường ống dẫn từ các điểm khai thác khí gas của hãng BP cách 230 dặm ngoài khơi thềm lục địa của mình. Mặt khác, Philippines dường như rất mong muốn đạt được thỏa thuận với Trung Quốc để thăm dò chung đến mức Manila đã đồng ý đưa vào thỏa thuận cả những phần trong thềm lục địa hợp pháp của mình. Để xoa dịu những nghi ngờ lẫn nhau dai dẳng này, ASEAN và Trung Quốc có thể đưa ra một tuyên bố khác bao gồm một điều khoản "không gây phương hại" để thúc đẩy việc khai thác chung ở những khu vực có các yêu sách chồng lấn bằng việc nhấn mạnh rằng các hoạt động chung không gây ảnh hưởng đến giá trị của các yêu sách cơ bản về chủ quyền và quyền tài phán. Vì vậy, các bên tranh chấp sẽ không từ bỏ yêu sách của mình nhưng sẽ "đóng băng" chúng trong khoảng thời gian cần thiết để xác định có tài nguyên dưới đáy biển có thể khai thác hay không. Nếu những nguồn tài nguyên này được phát hiện, sẽ cần có các cuộc đàm phán bổ sung để xác định cơ chế khai thác.²³

Với Hiến chương mới, ASEAN nhìn nhận về một tương lai nơi mà những khát vọng cao quý có lẽ sẽ tiếp tục vượt xa khỏi thành tích thực tế. Những khát vọng này cho thấy một mong ước cạnh tranh với Liên minh châu Âu (EU) về hội nhập kinh tế và những cam kết với tinh thần cao về dân chủ và nhân quyền. Tuy nhiên, không như EU, không quốc gia ASEAN nào thể hiện rõ tất cả những đặc điểm thiết yếu của dân chủ tự do. Những nước dân chủ nhất – Indonesia, Philippines, và Thái Lan (sau quá trình chuyển đổi từ chế độ quân sự vào tháng 12 năm 2007) – vẫn có những khiếm khuyết nghiêm trọng trong nền pháp quyền. Bảy thành viên khác xếp loại từ chuyên chế mềm (Singapore và Malaysia) đến ít nhiều độc tài một đảng (Miến Điện, Lào, Việt Nam, Campuchia và Brunei). Dãy hệ thống chính trị chủ yếu quan tâm đến việc duy trì chế độ này có nghĩa là nguyên tắc chủ đạo của ASEAN sẽ tiếp tục là bảo vệ chủ quyền và không can thiệp lẫn nhau. Tuy nhiên, không có sự khác biệt trong nước nào cản trở khả năng của Hiệp hội trong việc hình thành một mặt trận thống nhất để ứng phó các thế lực bên ngoài thông qua các Ủy ban kinh tế và An ninh mới của ASEAN.

Con đẻ của ASEAN: Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)

ARF nổi lên từ năm 1994 từ sau các cuộc họp hậu Hội nghị ngoại trưởng ASEAN được tổ chức hàng năm.²⁴ Các cuộc Hội nghị diễn ra trong một ngày với các cường quốc châu Á - Thái Bình Dương bao gồm Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản. Chủ đề là vấn đề an ninh/chính trị nói chung. Việc chính thức hóa các cuộc thảo luận bên ngoài ASEAN thành ARF diễn ra bởi vì ASEAN nhận thấy rằng nếu Hiệp hội muốn duy trì được sự phù hợp của mình trong bối cảnh an ninh châu Á - Thái Bình Dương hậu chiến tranh Lạnh thì nó cần đảm bảo rằng các quy trình của mình nên chi phối các cuộc đối thoại về an ninh ở châu Á – Thái Bình Dương, và rằng ASEAN sẽ là một phần của tất cả các cuộc thảo luận an ninh ở khu vực. ARF đã đạt được những mục tiêu này cho Hiệp hội. Những nhà *hiện thực* coi ARF như là một cơ chế cân bằng quyền lực trong đó hầu hết các thành viên chiều theo mối quan hệ Trung Quốc – Mỹ; những nhà *tân tự do* tin rằng nó là một vũ đài thương lượng các vấn đề an ninh khu vực; và các nhà *kiến tạo* nhấn mạnh rằng đây là một khuôn khổ cho việc phát triển và thực hiện các quy chuẩn. Tất cả đồng ý rằng ARF không phải là một dàn xếp an ninh tập thể.²⁵ ARF cũng không được thiết kế để giải quyết các tranh cãi khu vực cụ thể như quần đảo Trường Sa. Thay vào đó, như các nhà kiến tạo đề xuất, ARF nhằm vào việc mang lại hòa bình lâu dài bằng cách thúc đẩy sự tin tưởng lẫn nhau. Điều này có thực hiện được hay không phụ thuộc vào chất lượng mối quan hệ theo thời gian giữa các thành viên.

Về tổ chức, cấp cao nhất của ARF là cuộc họp các bộ trưởng ngoại giao hàng năm, luôn luôn được chủ trì bởi một nước ASEAN. Cuộc họp hàng năm này được hỗ trợ bởi một cuộc họp các quan chức cấp cao hàng năm (SOM) để giải quyết các vấn đề đang tồn tại. Theo đó, SOM được hỗ trợ bởi một cơ chế làm việc gọi là Nhóm hỗ trợ giữa kỳ về các Biện pháp xây dựng lòng tin. Các hoạt động xây dựng lòng tin là quan tâm chủ yếu của ARF từ khi nó ra đời. Những nhóm này được bổ sung bởi các cuộc họp chuyên gia về các chủ đề như tội phạm xuyên quốc gia, bao gồm cả các chuyên gia Kênh II được tổ chức thông qua Hội đồng Hợp tác An ninh Khu vực châu Á Thái Bình Dương (CSCAP), vốn tổ chức đối thoại song song với ARF. CSCAP là một tổ chức phi chính phủ nhưng cũng sử dụng Phương thức ASEAN trong các cuộc thảo luận của mình, đó là đồng thuận và không bỏ phiếu.²⁶

ARF phản ánh chiến lược ngoại giao đồng thuận được yêu thích của ASEAN, mang tính kiểm soát vấn đề nhiều hơn là giải quyết chúng. Đó là lí do tại sao ARF gặp khó khăn trong việc chuyển từ giai đoạn đầu tiên là thúc đẩy xây dựng lòng tin sang giai đoạn hai theo như đề xuất là ngoại giao phòng ngừa (Preventive Diplomacy) hoặc sang đỉnh điểm của ARF vốn bị trì hoãn từ lâu là giải quyết xung đột. Một sự giải thích khác cho khó khăn này là ASEAN muốn đan lồng (enmesh) Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản thành đối tác an ninh, cam kết về sự ổn định của Đông Nam Á thông qua việc xây dựng lòng tin bằng cách kiểm soát lẫn nhau để ngăn cản các ý định phiêu lưu. Tuy nhiên, định hướng giữ nguyên hiện trạng này của ARF không thúc đẩy sự thay đổi sang các bước ngoại giao phòng ngừa và giải quyết xung đột.

Một mục tiêu nữa của ASEAN đối với các cường quốc bên ngoài tham gia vào ARF là nhằm mở rộng áp dụng các mục tiêu và nguyên tắc của TAC với các thành viên ARF, có nghĩa là tất cả đồng ý giải quyết tranh chấp một cách hòa bình. Điều này ám chỉ đặc biệt đến các yêu sách trên biển Đông của Trung Quốc. Đối với các cường quốc bên ngoài, ARF mang đến các lợi ích khác. Washington sử dụng ARF để thúc đẩy đối thoại giữa Hàn Quốc và Nhật Bản. Nhật Bản và Trung Quốc sử dụng ARF như là một phương tiện cho chính sách ngoại giao châu Á - Thái Bình Dương đang được tăng cường của họ.

Đối với việc chuyển từ các phương pháp xây dựng lòng tin (CBMs) sang Ngoại giao phòng ngừa vào năm 2000, ARF bắt đầu thảo luận vai trò trung gian hòa giải cho chủ tịch ARF, sáng lập ra Nhóm các cá nhân nổi bật (EPG) trong ARF để giải quyết những thách thức trong tương lai, đưa ra báo cáo Viễn cảnh An ninh Thường niên và cung cấp các trình bày bối cảnh tự nguyện về an ninh khu vực bởi bất kỳ thành viên nào. Bắt nguồn từ nhóm tư vấn Kênh II, những ý tưởng này được

ủng hộ bởi ARF ngoại trừ vai trò trung gian hòa giải của Chủ tịch ARF. Cả Trung Quốc và một số nước ASEAN phản đối việc nâng cao thẩm quyền của chủ tịch vì lo sợ rằng nó có thể dẫn tới sự can thiệp vào công việc nội bộ của họ.²⁷

Các quốc gia tích cực trong ARF (Mỹ, Nhật Bản, Australia và Canada) đã đưa ra một chương trình nghị sự Ngoại giao phòng ngừa, nhưng thủ tục theo Phương thức ASEAN đòi hỏi sự đồng thuận thực tế đã ngăn cản chương trình nghị sự này. Hơn nữa, thực tế rằng một quốc gia ASEAN sẽ luôn luôn chủ trì ARF nghĩa là những tranh chấp giữa ASEAN và các nước không phải thành viên ASEAN sẽ không được cân nhắc trước ARF. Một nhà quan sát đã lưu ý rằng sự thất vọng đối với việc ASEAN không thể ảnh hưởng tới an ninh khu vực đã dẫn tới việc Mỹ và Nhật Bản giảm bớt sự chú ý của họ. Cách duy nhất để kích hoạt Ngoại giao phòng ngừa trong ARF là nếu nguyên tắc không can thiệp lẫn nhau được nới lỏng, ARF xây dựng các biện pháp Ngoại giao phòng ngừa thực tế hơn, và cải cách cơ cấu diễn ra làm giảm bớt sự thống trị của ASEAN. Không có điều nào trong số này sắp sửa xảy ra.²⁸ Tuy nhiên, một phát triển sáng tạo gần đây của ARF cho thấy rằng có thể vẫn có hi vọng cho sự đổi mới: vào tháng 1 năm 2007, ARF tổ chức diễn tập mô phỏng trên biển lần đầu tiên ở Singapore với các đại diện từ 21 quốc gia. Nhiệm vụ của họ là tìm kiếm một con tàu mất tích có thể bị khủng bố tấn công. Mục tiêu chính của đợt diễn tập này là làm cho các nước tham dự quen với các quy trình quốc gia khác nhau. Mặc dù sự hài lòng chung được thể hiện đối với kết quả nhưng không có kế hoạch nào được đưa ra cho các diễn tập tiếp theo trong tương lai.²⁹

Con đẻ của ASEAN: ASEAN +3

Nếu ARF là sự mở rộng của ASEAN ra khu vực châu Á – Thái Bình Dương và xa hơn để thực hiện các cuộc thảo luận an ninh, thì ASEAN + 3 là công cụ để liên kết Đông Bắc Á và Đông Nam Á với nhau về các vấn đề kinh tế sau khi diễn ra cuộc khủng hoảng tài chính 1997. Không như ARF, Hội nghị bộ trưởng ASEAN và diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Mỹ bị loại trừ trong khi Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc là thành viên sáng lập. Thực tế, tất cả ba quốc gia Đông Bắc Á đã đưa ra thỏa thuận đối tác với ASEAN, qua đó gắn kết sự thịnh vượng với hòa bình. Sự hợp tác Đông Á gần gũi hơn trong ASEAN+3 nổi lên từ sự thất vọng về việc Washington miễn cưỡng trợ giúp Đông Nam Á trong suốt cuộc khủng hoảng tài chính. Hơn nữa, sự thờ ơ được nhận thấy của Mỹ đối với ASEAN cũng làm cho Đông Nam Á ý thức được nguy hiểm của thế giới một cực và sự cần thiết phải đa dạng các mối quan hệ kinh tế. Đến năm 1998, các nhà lãnh đạo ASEAN+3 đã đồng ý tổ chức các hội nghị thượng đỉnh định kỳ và một loạt các cuộc họp cấp bộ trưởng

tài chính và ngoại giao. Thành công chính của ASEAN+3 là Sáng kiến Chiềng Mai được đưa ra tại Hội nghị thượng đỉnh 2000 ở Thái Lan. Sáng kiến Chiềng Mai là thỏa thuận hoán đổi tiền tệ giữa các ngân hàng trung ương để giúp các nước thành viên bảo vệ chính họ chống lại những cuộc tấn công đầu cơ tiền tệ trong tương lai. Đặc biệt là đối với ASEAN, Chiềng Mai được xây dựng để đưa ra giải pháp thay thế cho Quỹ Tiền tệ Quốc tế bị chi phối bởi phương Tây vốn áp đặt các điều kiện khắc nghiệt trong cuộc khủng hoảng 1997 khiến hai chính phủ bị sụp đổ (Indonesia và Thái Lan) và một số nền kinh tế ASEAN bị đẩy lùi trong nhiều năm. Vào năm 2004, theo sáng kiến của Trung Quốc, ASEAN+3 đã khai mạc một Hội nghị thượng đỉnh Đông Á mới (được thảo luận bên dưới) mở rộng phạm vi của ASEAN+3 sang các vấn đề an ninh. Trung Quốc, với sự ủng hộ của Malaysia, đã hi vọng EAS sẽ chỉ bao gồm các thành viên ASEAN+3, vì vậy không bao gồm Mỹ và các quốc gia không phải Đông Á khác.

ASEAN+3 đã trở thành một diễn đàn mà các cường quốc chính của Đông Bắc Á cạnh tranh giành quyền lãnh đạo kinh tế đối với Đông Nam Á thông qua một bộ thỏa thuận tự do thương mại chủ yếu mang lại đặc quyền cho các nền kinh tế Đông Bắc Á lớn mạnh hơn.³⁰ Một đơn vị ASEAN+3 được thiết lập trong Ban thư ký ASEAN để nghiên cứu các vấn đề cụ thể được đưa ra bởi những người đứng đầu, dần dần dẫn tới việc tạo ra các chương trình nghị sự chi tiết cho các cuộc họp ASEAN+3. Mặc dù cũng như trong tất cả các tổ chức sáng lập trên cơ sở ASEAN, các quyết định không có các điều khoản bắt buộc thi hành, nhưng ASEAN+3 thông qua các thỏa thuận hoán đổi tiền tệ đã xây dựng một nguồn dự trữ tài chính quan trọng có thể phục vụ cho mục đích thực tiễn là ngăn chặn các cuộc khủng hoảng tiền tệ. Vào đầu năm 2004, giá trị tích lũy của các thỏa thuận hoán đổi tệ đã lên tới 36,5 tỷ đô la Mỹ, mang lại an ninh tài chính về mặt tâm lý vốn đã biến mất từ năm 1997.³¹

ASEAN và tương lai đa phương: EAS

Biểu hiện gần đây nhất của một Đông Á mở rộng hơn xuất hiện thông qua Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS) khai mạc lần đầu vào tháng 12 năm 2005. Mặc dù Đông Nam Á đã được “thể chế hóa” từ khi ASEAN ra đời năm 1967, nhưng không có sự tham gia nào của Đông Bắc Á cho tới khi ASEAN+3 (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) được hình thành nhờ sáng kiến của ASEAN năm 1997. EAS là một đề xuất của Malaysia với sự chống lưng rất lớn từ Trung Quốc. Ý định của Kuala Lumpur là cho EAS phát triển giống ASEAN+3, nhưng chuyển từ chương trình nghị sự tập trung vào kinh tế dần dần sang xem xét cả các vấn đề “an ninh, dân chủ, quản trị

tốt, nền pháp quyền, và các khía cạnh của an ninh con người". Cả Malaysia và Trung Quốc dự kiến EAS sẽ độc lập với Mỹ, một diễn đàn chỉ gồm các nước Đông Á. Tuy nhiên, các thành viên ASEAN khác cùng với Nhật Bản lo ngại khả năng thống trị của Trung Quốc, yêu cầu mời Australia, New Zealand và Ấn Độ tham gia - kết quả là EAS bao gồm một số bạn bè và đồng minh của Mỹ mặc dù không có mặt của Washington.³² ASEAN cũng nhấn mạnh rằng chỉ các thành viên của nó mới có thể chủ trì các hội nghị thượng đỉnh hàng năm. Vì vậy, cũng như các cuộc họp ASEAN+3 và ARF, ASEAN sẽ ngồi ở vị trí chủ trì.

ASEAN đã áp đặt ba điều kiện cho việc tham gia EAS: (1) tuân thủ TAC, (2) đã có vị thế đối tác đối thoại, và (3) có mối quan hệ "đáng kể" với ASEAN. Nga đã ứng cử vào EAS với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Malaysia, Trung Quốc và Philippines mặc dù có sự dè dặt từ Singapore, Indonesia và Nhật Bản. Singapore đã lập luận rằng mối quan hệ với ASEAN của Nga không đáng kể; Jakarta lo ngại rằng tư cách hội viên của Matxcơva sẽ làm suy giảm sự thống trị của ASEAN; và Tokyo phản đối vì có tranh chấp lãnh thổ và cũng vì Nhật coi Nga là đồng minh của Trung Quốc.³³ Vì thiếu sự đồng thuận, Nga đã không được tham dự EAS tháng 1 năm 2007.

Sự im lặng của Mỹ đối với EAS dựa trên thái độ hoài nghi về sự gia tăng các hoạt động đa phương ở châu Á và niềm tin rằng APEC và ARF nên là các tổ chức dẫn đầu châu Á – Thái Bình Dương về kinh tế và an ninh. Mỹ thường thấy mô hình chủ nghĩa đa phương châu Á quá quan tâm đến đồng thuận, và vì vậy có mẫu số chung thấp nhất trong việc xây dựng niềm tin. Định hướng này khiến khu vực tiến triển quá chậm để có thể giải quyết những thách thức về an ninh, kinh tế, chính trị cấp bách ở châu Á. Washington ưa dùng hơn các cơ chế đa phương tạm thời (ad hoc) để giải quyết các vấn đề khu vực cụ thể như Cuộc đàm phán sáu bên về vấn đề hạt nhân Bắc Triều Tiên.³⁴ Các nhà lãnh đạo ASEAN đã thúc giục Mỹ ký TAC và tham gia EAS. Mặc dù không từ chối rõ ràng, vào tháng 3 năm 2007, Bộ Ngoại giao Mỹ tuyên bố rụt rè rằng "chúng tôi đang nghiên cứu các vấn đề chính sách và pháp lý khác nhau có liên quan đến khả năng Mỹ gia nhập Hiệp ước. Mỹ không đưa ra quyết định vào thời điểm này về việc có ký hay không".³⁵ Một sự giải thích thường xuyên được đưa ra cho sự do dự của Washington là mối quan ngại rằng TAC sẽ giới hạn các hoạt động hải quân trong thời chiến bởi vì hiệp ước đã tạo thành một hiệp ước không xâm lược. Tuy nhiên, không đồng minh châu Á nào của Mỹ đồng ý với giải thích này; cũng như họ không xem việc ký TAC làm giới hạn các quan hệ quốc phòng của họ với Mỹ. Một cách giải thích khác khả thi hơn cho việc không hành động của Washington là sự lo lắng của chính quyền rằng thượng viện Mỹ sẽ không phê chuẩn hiệp ước, vì vậy làm xấu đi mối quan hệ của Washington với ASEAN.

Kết luận

ASEAN và ARF với tư cách là các dàn xếp an ninh hợp tác được xây dựng để tăng lợi ích chung và đối phó với các thách thức chung rõ ràng không phải là các dàn xếp phòng thủ hay các liên minh. Hơn nữa, chúng đã không được thành lập để chống lại các mối đe dọa cụ thể, mà cùng tồn tại với nhiều thỏa thuận phòng thủ riêng biệt của một số thành viên với các thế lực bên ngoài, đặc biệt là Mỹ, cũng như Anh, Australia, và New Zealand, thông qua Hiệp ước phòng thủ ngũ cường (Five Power Defence Arrangement). Mặc dù ASEAN và diễn đàn ARF tập trung vào đối thoại và xây dựng lòng tin, chúng cũng nỗ lực để tạo ra những quy tắc và bộ ứng xử để tránh xung đột. (Những đặc điểm này được nhấn mạnh bởi thuyết kiến tạo). Các cân nhắc cân bằng quyền lực diễn ra trong các chế độ an ninh hợp tác. Ví dụ, một mục đích chính của việc thành lập ASEAN là để hạn chế tham vọng bá quyền của Indonesia bằng việc buộc Jakarta cân nhắc các nhu cầu an ninh của các nước láng giềng. Tuy nhiên, an ninh hợp tác thành công vẫn phụ thuộc vào khả năng tiếp cận với một cường quốc đối trọng bên ngoài mà chính sách của cường quốc đó phải phù hợp với chính sách an ninh hợp tác của tổ chức. Trong trường hợp của ASEAN, đây chính là Mỹ. Sự hiện diện quân sự của Washington ở châu Á hỗ trợ mục tiêu của chính ASEAN, đảm bảo rằng không có bá quyền nào phát sinh (Trung Quốc). Việc Trung Quốc và Mỹ đều là thành viên của ARF hình thành từ quan điểm của ASEAN rằng đây là một cách hạn chế tham vọng chính trị của Trung Quốc trong khi giữ Mỹ can dự vào an ninh Đông Á. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, Trung Quốc đã sử dụng hiệu quả ARF và các nhóm liên quan như ASEAN+3 để thúc đẩy chương trình nghị sự quốc tế về kinh tế và chính trị của Bắc Kinh hơn so với Mỹ, khi Mỹ, từ quan điểm của Đông Nam Á, tỏ ra quan tâm thái quá tới Trung Đông và cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố Hồi giáo cực đoan.

Các thành viên ASEAN vẫn còn nghi ngờ các chính sách và động cơ của nhau. Một lịch sử của các cuộc lật đổ chống lại các nước láng giềng đã dẫn tới một cam kết thể chế quan trọng: Tuyên bố Hòa hợp ASEAN mà theo đó mỗi quốc gia thành viên kiên quyết loại bỏ các mối đe dọa lật đổ với các nước láng giềng. Không có nơi ẩn náu nào được dành cho các nhóm nhất quyết lật đổ chế độ của các nước thành viên. Tuy nhiên, các nhóm sắc tộc thiểu số nổi loạn ở Miến Điện và Lào đã ẩn náu ở Thái Lan, và hàng ngàn người di cư bất hợp pháp Indonesia đã làm căng thẳng mối quan hệ Kuala Lumpur – Jakarta. Gần đây nhất, các thành viên khủng bố Indonesia đã đến Nam Philippines để được đào tạo trong các trại Hồi giáo của Abu Sayyaf hay các thành viên cực đoan của Mặt trận tự do Hồi giáo Moro. Tất cả cho

thấy sự nhạy cảm của nhiều quốc gia ASEAN về các thách thức xuyên biên giới đối với các vấn đề trong nước. ASEAN không có khả năng làm được gì nhiều để chống lại những xung đột nội bộ như vậy.

Hiệp hội thành công hơn trong việc *cân bằng quyền lực liên kết (associative power balancing)*. Sự tham gia của Brunei vào ASEAN nhằm bảo vệ vương quốc Hồi giáo Borneo nhỏ bé khỏi áp lực cạnh tranh giữa Malaysia và Indonesia. Chiến tranh Đông Dương lần thứ ba minh họa cho việc sử dụng cân bằng bên ngoài của ASEAN, theo đó Hiệp hội liên kết ngoại giao với cả Trung Quốc và Mỹ nhằm ngăn chặn Việt Nam củng cố vị thế của mình ở Campuchia. *Cân bằng liên kết* thất bại khi ASEAN không thể đạt thỏa thuận về Bộ quy tắc ứng xử Biển Đông nhằm chống lại “chủ nghĩa đế quốc tiệm tiến” của Trung Quốc. Những khác biệt giữa các thành viên ASEAN có yếu sách chủ quyền khác nhau đối với quần đảo Trường Sa đã cản trở sự đồng thuận khiến Tuyên bố ASEAN 1992 về biển Đông thiếu hiệu quả trở thành một nỗ lực tránh xung đột hơn là giải quyết chúng. Việt Nam, Philippines và Trung Quốc đã đạt được một thỏa thuận vào năm 2005 hoàn toàn ngoài ASEAN, mà những bên tranh chấp khác (Malaysia, Brunei, Đài Loan) đã lơ đi, giúp cho việc thăm dò chung vùng đáy biển (xác định) xung quanh quần đảo Trường Sa trong khi chia sẻ các chi phí và lợi ích trong tương lai. Sự bất lực của ASEAN trong việc hình thành một chế độ Biển Đông là do các khác biệt nội bộ lẫn sự bất lực của hiệp hội trong việc tìm thấy một thể lực đối trọng bên ngoài sẵn lòng kiềm chế tham vọng bá quyền của Trung Quốc.

Trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh, cấu trúc chính trị Đông Á đã thay đổi. Các quốc gia ASEAN nhận ra rằng triển vọng về sự tự chủ của Đông Nam Á đã trở nên lạc hậu. Việc sáng lập ARF năm 1994 đã đưa hai tiểu vùng của Đông Á lại với nhau cùng với Liên minh châu Âu, Bắc Mỹ, Australia và New Zealand để hình thành tổ chức thảo luận an ninh lớn nhất trên thế giới. Hi vọng của ASEAN là thống trị ARF một cách có quy củ và áp đặt TAC trở thành Bộ quy tắc ứng xử của diễn đàn, qua đó buộc các thành viên cam kết không sử dụng vũ lực. Trung Quốc và những yêu sách biển Đông của nước này là mục tiêu chính. ASEAN cũng hi vọng rằng với việc đưa Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản vào ARF, một sự phân bổ quyền lực ổn định sẽ hình thành. EAS giảm bớt số thành viên của ARF xuống còn chủ yếu các nước châu Á, mặc dù như các tổ chức khu vực châu Á khác, nó là nơi mà “đôi thoại” chiếm ưu thế hơn so với “cộng đồng”.

Sự thất vọng đối với hiệu quả của các tổ chức khu vực có nghĩa là các thỏa thuận song phương vẫn là trọng điểm của các hành động an ninh khu vực thực sự. Một ví dụ gần đây là thỏa thuận Bali năm 2007 giữa Singapore và Indonesia về một

hiệp ước dẫn độ song phương và một thỏa thuận hợp tác quốc phòng yêu cầu những cuộc đàm phán căng thẳng bởi vì kết quả sẽ có những ảnh hưởng thực tế lên các bên ký. Thực tế, các hội nghị thượng đỉnh ASEAN hàng năm quan trọng ở chỗ giúp hình thành các thỏa thuận song phương bên lề hơn là bất kỳ thỏa thuận đa phương nào ở sự kiện chính. Thỏa thuận rằng Mỹ sẽ tổ chức một hội nghị thượng đỉnh với ASEAN là một trường hợp bên lề như vậy.³⁶ Vậy nên trở trêu là ASEAN và các tổ chức con của nó (ARF, ASEAN+3, và EAS) lại phục vụ tốt hơn cho các mối quan hệ quốc tế ở châu Á bằng cách giúp tổ chức các cuộc họp nhỏ bên lề vốn giải quyết các mối quan tâm quốc gia cụ thể, hơn là các cuộc họp rộng mở vốn tạo ra các thỏa thuận khoa trương nhưng sau đó ít có khả năng hoặc dự định triển khai.

Chú thích

1. Để biết một cuộc thảo luận về việc hình thành các thiết chế ở châu Á – Thái Bình Dương, tham khảo Jim Rolfe, “A Complex of Structures: Functional Diversity, Regional Consolidation, and Community in the Asia-Pacific,” *Asian Affairs: An American Review* 33, no. 4 (Winter 2007):217–234.
2. Các tác giả đại diện cho các trường bao gồm Michael Leifer và Ralf Emmers cho Chủ nghĩa hiện thực, Shaun Narine cho chủ nghĩa Tân tự do, và Amitav Acharya, Mely-Anthony Caballero, và See Seng Tan cho Chủ nghĩa kiến tạo.
3. Sheldon W. Simon, “ASEAN and Its Security Offspring” (bài viết chuẩn bị cho Hội nghị an ninh hàng năm lần thứ 10 của Viện nghiên cứu chiến lược của Đại học Chiến tranh Quân đội Mỹ, Carlisle Barracks, Pennsylvania, 27–29 tháng 3/2007).
4. Một bài thảo luận xuất sắc về các khuôn khổ được áp dụng cho ASEAN có thể được tìm thấy ở Kai He, “Does ASEAN Matter? International Relations Theories, Institutional Realism, and ASEAN,” *Asian Security* 2, no. 3 (tháng 10 2006): 189–214.
5. Evelyn Goh, “Great Powers and Southeast Asian Regional Security,” *Military Technology* (tháng 1 2006): 321–323.
6. Sarah Eaton và Richard Stubbs, “Is ASEAN Powerful? Neo-Realist versus Constructivist Approaches to Power in Southeast Asia,” *Pacific Review* 19, no. 2 (tháng 6 2006): 135–156.
7. Trích dẫn từ Amitav Acharya, “Do Norms and Identity Matter? Community and Power in Southeast Asia’s Regional Order,” *Pacific Review* 18, no. 1 (tháng 3 2005): 98.

8. Ralf Emmers, "The Indochinese Enlargement of ASEAN: Security Expectations and Outcomes," *Australian Journal of International Affairs* 59, no. 1 (tháng 3 2005): 74.
9. Emmers, "The Indochinese Enlargement," 76–77.
10. Jonathon Chow, "ASEAN Counter-Terrorism Cooperation since 9/11," *Asian Survey* 45, no. 2 (tháng 3/tháng 4 2005): 304–305.
11. Chow, "ASEAN Counter-Terrorism Cooperation," 312–313.
12. Douglas Bakshian, "ASEAN Summit to Tackle Tough Issues from Terrorism to North Korea," *VOANews.com*, 8 tháng 1, 2007; và Kavi Chongkittavorn, "ASEAN's Accord on Counter-terrorism a Major Step Forward," *Nation* (Bangkok), 19 tháng 2, 2007.
13. "Militants Warn of Dangers of ASEAN Anti-Terror Pact," *Philstar.com* (Manila), 11 tháng 1, 2007.
14. Phần lớn nội dung thảo luận về Miễn Điện được lấy từ Ruukun Katanyuu, "Beyond Non-Interference in ASEAN: The Association's Role in Myanmar's National Reconciliation and Democratization," *Asian Survey* 46, no. 6 (tháng 11/tháng 12/2006): 825–845.
15. Estrella Torres, "ASEAN Meetings Drop Burma Issue from Agenda," *Irrawaddy*, 23 tháng 5, 2007.
16. Katanyuu, "Beyond Non-Interference in ASEAN," 840.
17. Tham khảo lập luận của Erik Kuhonta, "Walking a Tightrope: Democracy versus Sovereignty in ASEAN's Illiberal Peace," *Pacific Review* 19, no. 3 (tháng 9 2006): 337–358.
18. Michael Vatikiotis, "Resolving Internal Conflicts in Southeast Asia: Domestic Challenges and Regional Perspectives," *Contemporary Southeast Asia* 28, no. 1 (tháng 4 2006): 42.
19. Abul Khalik phỏng vấn với thành viên EPG và nguyên Bộ trưởng Bộ ngoại giao Indonesia Ali Alatas, "ASEAN Faces 'Critical Period' in a Changing World," *Jakarta Post*, 17 tháng 1, 2007.
20. Một bài phê bình hay về Hội nghị thượng đỉnh ASEAN 2007 và Hiệp ước có thể được xem ở "Fifth from the Right Is the Party Pooper," *Economist*, 24 tháng 11, 2007, 43–44.
21. Rajesh M. Basrur, "The Threat of WMD Terrorism: ASEAN Needs to Respond," *RSIS Commentaries* 56 (Singapore), 6 tháng 6, 2007.
22. Nhiều thảo luận ở trên được lấy từ Vijay Sakhujia, "Malacca: Who's to Pay for Smooth Sailing?" *Asia Times Online*, 16 tháng 5, 2007.

23. Các thảo luận về biển Đông có thể được tham khảo trong Robert Beckman, "Joint Development in the South China Sea: Time for ASEAN and China to Promote Cooperation?" *RSIS Commentaries* 46 (Singapore), 29 tháng 5, 2007; và Mark J. Valencia, "In Response to Robert Beckman," *RSIS Commentaries* 53, 4 tháng 6, 2007.
24. Để biết một đánh giá mang tính chất hiện thực về ARF, xem Sheldon Simon, "Realism and Regionalism in Southeast Asia: The ARF and the War on Terror," trong *Order and Security in Southeast Asia: Essays in Memory of Michael Leifer*, ed. Joseph Liao và Ralf Emmers (London: Routledge, 2006), 93–109.
25. Hiro Katsumata, "Establishment of the ASEAN Regional Forum," *Pacific Review* 19, no. 2 (tháng 6 2006): 182 và 194.
26. Sheldon W. Simon, "Evaluating Track II Approaches to Security Diplomacy in the Asia-Pacific: The CSCAP Experience," *Pacific Review* 15, no. 2 (2002): 176–200.
27. Takeshi Yuzawa, "The Evolution of Preventive Diplomacy in the ASEAN Regional Forum," *Asian Survey* 46, no. 5 (tháng 9/tháng 10, 2006): 793–794.
28. Yuzawa, "The Evolution of Preventive Diplomacy," 802–804.
29. "ASEAN Regional Forum Holds First Simulated Sea Exercise," *Channel NewsAsia.com*, 23 tháng 1, 2007.
30. David Martin Jones và Michael L. R. Smith, "Constructing Communities: The Curious Case of East Asian Regionalism," *Review of International Studies* 33(2007): 181, 183.
31. Yoshimatsu Hidetaka, "Political Leadership Informality and Regional Integration in East Asia: The Evolution of ASEAN Plus Three," *European Journal of East Asian Studies* 4, no. 2 (2005): 213, 220–221.
32. Rolfe, "A Complex of Structures," 224.
33. Leszek Buszynski, "Russia and Southeast Asia: A New Relationship," *Contemporary Southeast Asia* 28, no. 2 (August 2006): 29.
34. The Stanley Foundation, *Dialogue Brief: Building an Open and Inclusive Regional Architecture for Asia* (Muscatine, Ia.: The Stanley Foundation, 2007), 5.
35. "U.S. May Sign Key ASEAN Treaty with Eye on East Asia Summit," *Agence France-Presse* (Hong Kong), 22 tháng 3, 2007.
36. Michael Vatikiotis, "US and China Tug at ASEAN Unity," *Asia Times Online*, 8 tháng 5, 2007.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng ý của độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.

- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>
Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.